Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8466.10.10

Mã HS	8466.10.10
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65, kể cả bộ phận kẹp sản phẩm hoặc kẹp dụng cụ, đầu cắt ren tự mở, đầu chia độ và những bộ phận phụ trợ chuyên dùng khác dùng cho các máy này; bộ phận kẹp dụng cụ dùng cho mọi loại dụng cụ cầm tay / - Bộ phận kẹp dụng cụ và đầu cắt ren tự mở: / - - Dùng cho máy thuộc phân nhóm 8456.40.10, 8456.90.20, 8460.31.10, 8465.91.10, 8465.92.10, 8465.95.10 hoặc 8465.99.50
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 01:34:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84661010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14263
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14263
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14263
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13601
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13542
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13542
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13542
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13542
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13542
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13542
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13596
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13596
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13596
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13596

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13596
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13596
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13597
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13597
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13597
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13597
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13597
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13597
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13600
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13548
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13556
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13556
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13556
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13556
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13556
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13556
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13587
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13587
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13587
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13587
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13587
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13587
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13636
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13636
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13636
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13636

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13636
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13636
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13619
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13619
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13619
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13619
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13619
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13619
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13619
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13619
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13619
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13619
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13619
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13619
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13634
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13634
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13634
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13634
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13634
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13634
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13633
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13633
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13633
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13633
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13633
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13633

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13613
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13613
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13613
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13613
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13613
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13613
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13613
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13621
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13621
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13621
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13621
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13621
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13621
RCEP B	2022	2022	0	B!D13621
RCEP B	2023	2023	0	B!E13621
RCEP B	2024	2024	0	B!F13621
RCEP B	2025	2025	0	B!G13621
RCEP B	2026	2026	0	B!H13621
RCEP B	2027	2027	0	B!I13621
RCEP C	2022	2022	0	C!D13621
RCEP C	2023	2023	0	C!E13621
RCEP C	2024	2024	0	C!F13621
RCEP C	2025	2025	0	C!G13621
RCEP C	2026	2026	0	C!H13621
RCEP C	2027	2027	0	C!I13621
RCEP D	2022	2022	0	D!D13620

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13620
RCEP D	2024	2024	0	D!F13620
RCEP D	2025	2025	0	D!G13620
RCEP D	2026	2026	0	D!H13620
RCEP D	2027	2027	0	D!I13620
RCEP E	2022	2022	0	E!D13624
RCEP E	2023	2023	0	E!E13624
RCEP E	2024	2024	0	E!F13624
RCEP E	2025	2025	0	E!G13624
RCEP E	2026	2026	0	E!H13624
RCEP E	2027	2027	0	E!I13624
RCEP F	2022	2022	0	F!D13621
RCEP F	2023	2023	0	F!E13621
RCEP F	2024	2024	0	F!F13621
RCEP F	2025	2025	0	F!G13621
RCEP F	2026	2026	0	F!H13621
RCEP F	2027	2027	0	F!I13621
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12642
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12642
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12642
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12642

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8466.10 có 2 dòng thuế; dòng 8466.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dùng cho máy thuộc phân nhóm 8456.40.10, 8456.90.20, 8460.31.10, 8465.91.10, 8465.92.10, 8465.95.10 hoặc 8465.99.50.	8466.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8466.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8466.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14263), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.